

4. **Bùi Quang Huy.** Rối loạn cảm xúc lưỡng cực. Nhà xuất bản Y học; 2009.
5. **Tổ chức Y tế thế giới.** Rối loạn khí sắc. Phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 (PLBQT-10F) về các rối loạn tâm thần và hành vi. Hà Nội; 1992:79-105.
6. **Nguyễn Văn Tường.** Một số khái niệm về hành vi tự sát và hướng nghiên cứu trong tương lai. Tự sát

và biện pháp phòng chống. Nhà xuất bản Y học; 2009:9-18.

7. **Hansson C, Joas E, Hawton K, et al.** Risk factors for suicide in bipolar disorder: a cohort study of 12 850 patients. Acta Psychiatrica Scandinavica. 2018:456-463.

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG INTERNET Ở NGƯỜI BỆNH NỘI TRÚ TỪ 10 ĐẾN 24 TUỔI TẠI VIỆN SỨC KHỎE TÂM THẦN

Nguyễn Việt Hà¹, Lê Thị Thu Hà^{1,2}, Nguyễn Văn Tuấn^{1,2}

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Internet ngày nay là một phần không thể thiếu trong cuộc sống của chúng ta. Tuy nhiên, việc sử dụng Internet không đúng cách gây ra nhiều tác hại về sức khỏe, cần được sự quan tâm chú ý. Ở Việt Nam, các nghiên cứu về vấn đề này còn hạn chế. Do đó, chúng tôi thực hiện nghiên cứu: "Thực trạng sử dụng Internet của người bệnh nội trú từ 10 đến 24 tuổi tại Viện Sức khỏe Tâm thần". **Mục tiêu:** "Mô tả thực trạng sử dụng Internet của người bệnh nội trú từ 10 đến 24 tuổi tại Viện Sức khỏe Tâm thần". **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang có hồi cứu 109 người bệnh nội trú từ 10- 24 tuổi tại Viện Sức khỏe Tâm thần từ tháng 8/2020- 10/2021. **Kết quả:** Quần thể nghiên cứu có độ tuổi trung bình $18,72 \pm 3,76$, nữ giới chiếm tỉ lệ nhiều hơn (57,8%), nơi sinh sống nhiều nhất là ở thành thị (52,8%), nghề nghiệp chủ yếu là học sinh, sinh viên (73,4%), trong đó nhiều nhất là bậc Trung học phổ thông (45,9%). Tỉ lệ sử dụng Internet trong quần thể nghiên cứu là 100%, trong đó có 37,6 % người bệnh được đánh giá là nghiện Internet theo thang điểm Chen Internet addiction scale (CIAS). Thời gian sử dụng Internet trung bình mỗi ngày thường và ngày nghỉ ở quần thể nghiên cứu tương ứng là $3,73 \pm 2,45$ và $4,76 \pm 2,95$ giờ. Các hình thức được lựa chọn sử dụng nhiều nhất là mạng xã hội (51,4%), chơi games online (26,6%), xem phim- video ngắn giải trí (14,7%). **Kết luận:** Thực trạng sử dụng Internet ở quần thể nghiên cứu là đa dạng về hình thức, mục đích, thời gian, với tỷ lệ sử dụng gây hại, nghiện cao. Vì vậy cần chú ý đến vấn đề quản lý sử dụng Internet ở nhóm đối tượng này.

Từ khóa: Internet, thực trạng sử dụng, nghiện Internet

SUMMARY

THE REALITY OF INTERNET USE OF INPATIENTS AGED 10 TO 24 YEARS AT THE

¹Đại học Y Hà Nội

²Viện Sức khỏe Tâm thần – Bệnh viện Bạch Mai

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Việt Hà

Email: havnguyenpsy94@gmail.com

Ngày nhận bài: 10.8.2021

Ngày phản biện khoa học: 6.10.2021

Ngày duyệt bài: 14.10.2021

NATIONAL INSTITUTE OF MENTAL HEALTH

Background: The Internet today is an integral part of our lives. However, improper use of the Internet causes many health harms, which need attention. In Vietnam, researchs on this issue is still limited. Therefore, we conducted the study: "The reality of Internet use of inpatients aged 10 to 24 years at the National Institute of Mental Health".

Objects: "Describe the reality of Internet use of inpatients aged 10 to 24 years at the National Institute of Mental Health". **Subjects and methods:** A retrospective cross-sectional descriptive study of 109 inpatients aged 10-24 years at the National Institute of Mental Health from August 2020 to October 2021.

Results: The study population had an average age of 18.72 ± 3.76 , women accounted for more (57.8%), the largest living place was in urban areas (52.8%), major occupations are students (73.4%), of which the majority is at upper secondary level (45.9%). The rate of Internet use in the study population is 100%, of which 37.6% of patients are rated as Internet addiction according to the Chen Internet addiction scale (CIAS). The average time of using the Internet each weekday and rest day in the study group of patients was 3.73 ± 2.45 and 4.76 ± 2.95 hours, respectively. The forms chosen by the patient group the most are social networks (51.4%), playing online games (26.6%), watching movies and short videos for entertainment (14.7%). **Conclusion:** The reality of Internet use in the study population is diverse in terms of form, purpose and time, with a high rate of harmful and addiction. Therefore, attention should be paid to the management of Internet use in this group.

Key words: Internet, Internet usage, Internet addiction

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự ra đời của Internet mang lại cho nhân loại những thành tựu vô cùng to lớn về mọi mặt: từ khoa học kỹ thuật, công việc chuyên môn, lợi ích kinh tế, cho đến giải trí, phục vụ đời sống thường ngày của con người... Chính vì những lợi ích lớn lao mà nó mang lại, sự hấp dẫn không thể chối từ đó đã khiến con người dành rất nhiều thời gian với Internet, kéo theo đó là những tác hại mà con người chưa thể lường trước được.

Theo báo cáo thống kê của Phòng Dân số Liên hợp quốc số lượng người sử dụng internet

là 4,4 tỉ người, chiếm 57% dân số thế giới.¹ Số lượng này tăng 9,9% so với năm 2018.¹ Kèm theo đó, tốc độ tăng của số lượng người dùng internet là 11 người mỗi giây, tương đương với 1 triệu người dùng mới mỗi ngày.¹ Trung bình, mọi người đang dành 6 giờ 47 phút trực tuyến mỗi ngày.² Những con số nêu trên cho chúng ta thấy tốc độ phát triển nhanh chóng của internet.

Đi kèm với tốc độ ấy là sự phát triển của những mặt trái của việc sử dụng Internet, thể hiện ở nhiều lĩnh vực sức khỏe: thể chất, tâm thần, xã hội. Ở Việt Nam, việc sử dụng Internet gây hại được nhận thấy ngày càng gia tăng trong giới trẻ nhất là tuổi thanh thiếu niên, dẫn đến những hậu quả về học tập, công việc, thể chất, tinh thần và xã hội... Người sử dụng Internet quá mức có nguy cơ dẫn đến nghiện Internet - một loại nghiện hành vi. Nhằm làm rõ vấn đề này, chúng tôi thực hiện nghiên cứu: "Thực trạng sử dụng Internet của người bệnh nội trú từ 10 đến 24 tuổi tại Viện Sức khỏe Tâm thần" với mục tiêu: "Mô tả thực trạng sử dụng Internet của người bệnh nội trú từ 10 đến 24 tuổi tại Viện Sức khỏe Tâm thần".

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng, địa điểm, thời gian nghiên cứu: 109 người bệnh từ 10 đến 24 tuổi điều trị nội trú tại Viện Sức khỏe Tâm thần - bệnh viện Bạch Mai từ tháng 8/2020 đến tháng 8/2021.

Tiêu chuẩn lựa chọn: Người bệnh đồng ý tham gia vào nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: Người bệnh có các bệnh cơ thể nặng làm hạn chế khả năng giao tiếp của người bệnh, không đủ khả năng tham gia nghiên cứu.

Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp mô tả cắt ngang có hồi cứu, cỡ mẫu thuận tiện. Số liệu được phân tích xử lý bằng phần mềm SPSS 25.0.

Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu được sự phê bình của hội đồng chăm sóc và sự chấp thuận của ban lãnh đạo Viện Sức khỏe Tâm thần. Đây là nghiên cứu mô tả không can thiệp. Số liệu được mã hóa nhằm giữ bí mật thông tin cho người bệnh.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1 Đặc điểm chung của nhóm nghiên cứu

Bảng 1: Đặc điểm chung của nhóm đối tượng nghiên cứu (N=109)

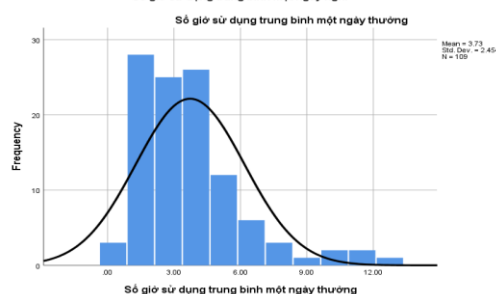
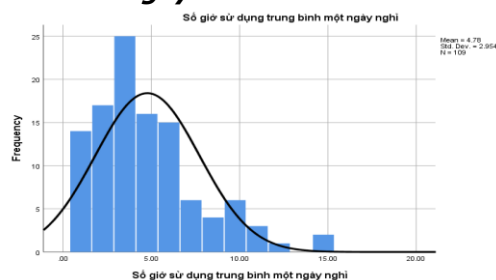
Đặc điểm chung		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tuổi trung bình		18,72 ± 3,76	
Giới	Nam	46	42,2

	Nữ	63	57,8
Trình độ học vấn	Tiểu học	2	1,8
	Trung học cơ sở	26	23,9
	Trung học phổ thông	50	45,9
	Trung cấp cao đẳng	15	12,8
	Đại học, sau đại học	16	14,7
Nghề nghiệp	Học sinh, sinh viên	80	73,4
	Công việc bắt buộc phải sử dụng máy tính	3	2,8
	Công việc không bắt buộc phải sử dụng máy tính	14	12,8
	Thất nghiệp	12	11,0
Nơi sống	Nông thôn	49	45,0
	Thành thị	57	52,3
	Miền núi	3	2,8
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	102	93,6
	Đã kết hôn	5	4,6
	Ly hôn	2	1,8

Nhận xét: Nghiên cứu của chúng tôi đã thu thập được 109 đối tượng, tỷ lệ nữ/nam là 63/46, độ tuổi trung bình là 18,72 ± 3,76. Hầu hết các đối tượng đều đang đi học (73,4%), có trình độ học vấn Trung học phổ thông (45,9%). Tỷ lệ người bệnh sống ở thành thị cao hơn (52,3%), và độc thân chiếm đa số (93,6%). Những yếu tố trên trong một số nghiên cứu đã được chỉ ra là yếu tố nguy cơ đối với nghiện Internet.

3.2 Thực trạng sử dụng Internet ở người bệnh nội trú từ 10 đến 24 tuổi tại Viện Sức khỏe Tâm thần

3.2.1 Thời gian sử dụng Internet trung bình mỗi ngày



Biểu đồ 1: Thời gian sử dụng Internet trung bình mỗi ngày

Nhận xét: Thời gian sử dụng Internet trung bình mỗi ngày thường và ngày nghỉ ở quần thể nghiên cứu tương ứng lần lượt là $3,73 \pm 2,45$ và $4,76 \pm 2,96$ giờ. Với ngày thường, thời gian sử dụng trung bình thấp nhất là 15 phút/ ngày và cao nhất là 13 giờ/ ngày, và với ngày nghỉ tương ứng là 1 giờ/ ngày và 15 giờ/ ngày. Theo thống kê của Minh Ngọc Nguyễn, tính đến quý 3 năm 2020, thời gian sử dụng Internet trung bình hàng ngày ở Việt Nam là khoảng 6 giờ 47 phút.² Những kết quả trên cho thấy thời gian sử dụng Internet chiếm phần lớn quỹ thời gian hàng ngày của mỗi người.

3.2.2 Tỷ lệ sử dụng và nghiện Internet theo lâm sàng và thang điểm CIAS

Bảng 2: Tỷ lệ sử dụng và nghiện Internet theo thang điểm CIAS

Nghiện Internet	41	37,6
Không nghiện Internet	68	62,4
Sử dụng Internet	109	100

	Thang CIAS	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)

Nhận xét: Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, dựa theo thang điểm CIAS, có 37,6% người bệnh được xếp loại là nghiện Internet. Kết quả này phù hợp với một số nghiên cứu trên thế giới như nghiên cứu của Chih-Hung Ko: 40,6% sinh viên nghiện Internet.³ Các tỷ lệ này cao hơn so với một số nghiên cứu của các tác giả khác thực hiện trên nhóm đối tượng ngoài cộng đồng như: Yuan-Chien Pan và cộng sự thực hiện nghiên cứu hệ thống và phân tích tổng hợp trên 113 nghiên cứu dịch tễ học về nghiện Internet từ năm 1996-2018 trên 31 quốc gia, cho kết quả tỷ lệ nghiện Internet là khoảng 7,02%.⁴

3.2.3 Công cụ sử dụng Internet:

Bảng 3: Công cụ sử dụng Internet ở quần thể nghiên cứu

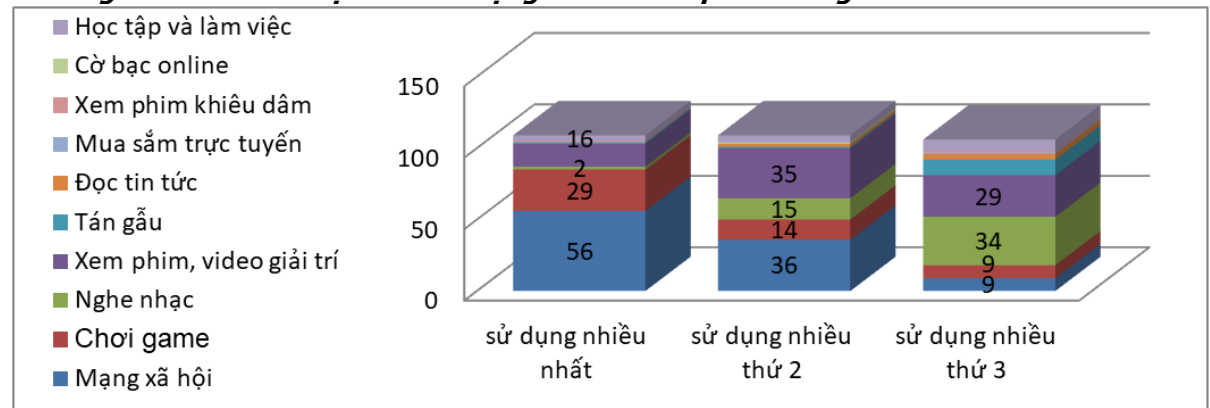
Công cụ sử dụng	Có		Không	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Thiết bị di động	107	98,2	2	1,8
Máy tính	69	63,3	40	36,7
Thiết bị chơi game	9	8,3	100	91,7
Thiết bị di động + máy tính	68	62,4	41	37,6
Thiết bị di động + thiết bị chơi game	9	8,3	100	91,7
Máy tính + thiết bị chơi game	9	8,3	100	91,7
Cả 3	0	0	109	100

Nhận xét: Tỷ lệ người bệnh sử dụng thiết bị di động (điện thoại thông minh, máy tính bảng...) để truy cập sử dụng Internet chiếm tỷ lệ cao nhất (98,2%), tiếp đến là máy tính (để bàn, laptop) (63,3%). Theo Minh Ngọc Nguyễn, từ quý 3 năm 2020, khoảng 97% người sử dụng Internet ở Việt Nam có điện thoại di động, và hầu hết là điện thoại thông minh.⁵ Nghiên cứu

của Hideki Tsumura trên nhóm đối tượng người trưởng thành cũng cho kết quả 2012/3211 người (65%) truy cập Internet bằng điện thoại thông minh. Với sự phổ biến này, các thiết bị di động khiến việc truy cập Internet dễ dàng hơn bao giờ hết, góp phần không nhỏ vào việc thay đổi thói quen sử dụng Internet của con người.

3.2.4 Mục đích sử dụng Internet

Bảng 4+Biểu đồ 2: Mục đích sử dụng Internet ở quần thể nghiên cứu



	Sử dụng nhiều nhất (N=109)		Sử dụng nhiều thứ 2 (N=109)		Sử dụng nhiều thứ 3 (N=106)	
	n	%	n	%	n	%
Học tập và làm việc	4	3,67	5	4,59	8	7,55
Cờ bạc online	0	0	1	0,92	0	0
Xem phim khiêu dâm	1	0,92	0	0	1	0,94
Mua sắm trực tuyến	0	0	0	0	1	0,94
Đọc tin tức	0	0	2	1,84	4	3,77
Tán gẫu	1	0,92	1	0,92	11	10,37
Xem phim, video ngắn	16	14,68	35	32,11	29	27,35
Nghe nhạc	2	1,84	15	13,76	34	32,08
Chơi games	29	26,60	14	12,84	9	8,50
Mạng xã hội	56	51,37	36	33,02	9	8,50

Nhận xét: Trong nhóm mục đích được chọn để sử dụng nhiều nhất, mạng xã hội là sự lựa chọn đầu tiên với 51,37%, thứ 2 là chơi games với 26,60%, thứ 3 là xem phim, video ngắn giải trí với 14,68%. Nhiều nghiên cứu trên thế giới cũng chỉ ra kết quả tương tự với các hoạt động được nhiều người ưu tiên lựa chọn khi sử dụng Internet. Nghiên cứu của Zhou: xem video online giải trí (59,0% người tham gia nghiên cứu thường xuyên gắn bó với nó, và 30% cho rằng nó là hoạt động yêu thích), chơi games online (40,7% người tham gia nghiên cứu thường xuyên gắn bó với nó, và 24,6% cho rằng nó là hoạt động yêu thích).⁶ Những hoạt động này có tính hấp dẫn, tính mới mẻ, thu hút người dùng tham gia liên tục, say sưa, dành nhiều thời gian cho chúng, hệ quả là giảm thời gian cho các hoạt động học tập làm việc, hoạt động gia đình - xã hội, chăm sóc sức khỏe thể chất và tâm thần,...

Các mục đích liên quan đến học tập và công việc chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ: 3,67% - 4,59% - 7,55% tương ứng ở các nhóm sử dụng nhiều nhất, nhiều thứ 2 và thứ 3. Theo nghiên cứu của Zhou, hơn 96% người tham gia báo cáo sử dụng Internet với mục đích không liên quan đến công việc.⁶

3.2.5 Một số vấn đề ở quần thể nghiên cứu

Bảng 5: Một số vấn đề ở quần thể nghiên cứu

Vấn đề	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Mỏi mắt, giảm thị lực	65	59,6
Đau mỏi cơ bắp	39	35,8
Đau đầu, nhức đầu	52	47,4
Đau mỏi khớp cổ tay	8	7,3
Xu hướng tăng cân, béo phì	10	9,2
Gầy sút cân	7	6,4
Lười biếng	59	54,1
Thờ ơ	45	41,3
Hung hãn	13	11,9
Hay cáu kỉnh	43	39,4

Lừa dối	9	8,3
Giảm chăm sóc cá nhân	52	47,7
Sa sút trong công việc, học tập	59	54,1
Thay đổi tiêu cực đến các mối quan hệ bạn bè, gia đình, xã hội	40	36,7

Nhận xét: Trong các vấn đề ở quần thể nghiên cứu. Các vấn đề về thể chất, tâm thần, chức năng cá nhân, gia đình, xã hội đều có tỷ lệ cao. Vấn đề xuất hiện nhiều nhất là "Mỏi mắt, giảm thị lực" với 65 người bệnh có triệu chứng, chiếm 59,6%. Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu của Yumei Zheng (2016), ghi nhận 73,7% số người sử dụng Internet trong nghiên cứu than phiền là khô mắt.⁷ Nguyên nhân là do mắt hoạt động 1 thời gian liên tục quá dài trước màn hình thiết bị điện tử.

VI. KẾT LUẬN

Tỷ lệ sử dụng Internet là phổ biến, có ở 100% quần thể nghiên cứu, trong đó tỷ lệ nghiên Internet theo thang điểm CIAS là 37,6%. Thời gian sử dụng trung bình mỗi ngày thường và ngày nghỉ tương ứng là $3,73 \pm 2,45$ và $4,76 \pm 2,96$ giờ, cao nhất lên đến 15 giờ/ngày, chiếm phần lớn thời gian mỗi ngày cho các hoạt động khác. Về nội dung sử dụng, các hình thức được báo cáo lựa chọn sử dụng nhiều nhất là mạng xã hội (51,37%), chơi game online (26,6%), xem phim, video ngắn (14,68%). Công cụ sử dụng Internet phổ biến nhất là thiết bị di động (98,2%). Có nhiều vấn đề về thể chất, tâm thần, chức năng cá nhân, gia đình, xã hội ở quần thể nghiên cứu, trong đó "Mỏi mắt, giảm thị lực" chiếm tỷ lệ cao nhất (59,6%).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Internet growth + usage stats 2019:** Time online, devices, users. Accessed October 4, 2021. <https://www.clickz.com/internet-growth-usage-stats-2019-time-online-devices-users/235102/>
- Vietnam:** daily time spent using online media by activity 2020. Statista. Accessed September 28, 2021.

- <https://www.statista.com/statistics/804073/daily-time-spent-using-online-media-by-activity-vietnam/>
- Ko C-H, Yen J-Y, Chen S-H, Yang M-J, Lin H-C, Yen C-F.** Proposed diagnostic criteria and the screening and diagnosing tool of Internet addiction in college students. *Comprehensive Psychiatry*. 2009;50(4):378-384. doi:10.1016/j.comppsych.2007.05.019
 - Yuan-Chien Pan, Yu-Chuan Chiu, Yu-Hsuan Lin.** Systematic review and meta-analysis of epidemiology of internet addiction. *Neuroscience and Biobehavioral Reviews* 118. Published online 2020:614.
 - Vietnam: device ownership among internet users 2020.** Statista. Accessed September 27, 2021. <https://www.statista.com/statistics/804059/digital-device-usage-among-adults-by-device-vietnam/>
 - Zhou R, Fong PSW, Tan P.** Internet Use and Its Impact on Engagement in Leisure Activities in China. *Votruba SB, ed. PLoS ONE*. 2014;9(2):e89598. doi:10.1371/journal.pone.0089598
 - Yumei Zheng, Dawei Wei, Junlong Li, Tao Zhu.** Internet use and its impact on individual physical health. *Psychology, Computer Science, IEEE Access*. Published online 2016:3-4.

THỰC TRẠNG LÂM SÀNG TRẦM CẢM Ở BỆNH NHÂN SUY TIM

Nguyễn Văn Hải¹, Trần Nguyễn Ngọc^{1,2}

TÓM TẮT

Mục tiêu nghiên cứu: “Mô tả đặc điểm lâm sàng rối loạn trầm cảm ở bệnh nhân suy tim”. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Sử dụng phương pháp mô tả cắt ngang, phân tích đặc điểm lâm sàng của rối loạn trầm cảm bằng phỏng vấn trực tiếp bệnh nhân suy tim điều trị nội trú tại Viện Tim mạch Quốc gia - Bệnh viện Bạch Mai từ tháng 8/2020 đến tháng 7/2021. **Kết quả:** Có 60 bệnh nhân trầm cảm trong tổng số 128 bệnh nhân suy tim, chiếm 46,87%. Phân tích 60 bệnh nhân trầm cảm, chúng tôi nhận thấy: Trong các triệu chứng đặc trưng của trầm cảm hay gặp nhất là giảm năng lượng, tăng sự mệt mỏi (90%). Trong số các triệu chứng trầm cảm thường gặp, rối loạn giấc ngủ chiếm tỷ lệ cao nhất (96,7%), đặc biệt có ý định hoặc hành vi tự sát xuất hiện ở 3,3% bệnh nhân.

Từ khóa: suy tim, trầm cảm.

SUMMARY

CLINICAL FEATURE OF DEPRESSION IN HEART FAILURE PATIENTS

Research objectives To describe the clinical characteristics clinical feature of depression in heart failure patients”. **Subjects and research methods:** Using a cross – sectional descriptive method, analyzing clinical characteristics of depression by direct interviews with heart failure inpatients at the Viet Nam National Heart Institute Bach Mai Hospital from August 2020 to July 2021. **Results:** There were 60 patients with depression out of 128 heart failure patients, accounted 46,87%. Analyzing 60 patients with depression, we found that: Most characteristic of depressive symptoms is reduced energy leading to increased fatigability (90%). Among depressive common symptoms, disturbed sleep is the highest

proportion (96,7%), especially suicidal thought or behavior appears in 3,3% of patients.

Keywords: heart failure, depression.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Suy tim là vấn đề của sức khỏe cộng đồng do số bệnh nhân suy tim có xu hướng ngày càng gia tăng. Trên thế giới ước tính có khoảng 64,3 triệu bệnh nhân đang điều trị suy tim¹. Tại Mỹ, năm 2010 ước tính chi phí cho điều trị suy tim ước tính khoảng 10 tỉ đô la và năm 2030 ước tính chi phí này khoảng 70 tỉ đô la². Trầm cảm là một căn bệnh thường gặp làm hạn chế nghiêm trọng chức năng tâm lý xã hội và suy giảm chất lượng cuộc sống. Năm 2008, WHO xếp hạng trầm cảm là nguyên nhân thứ ba gây ra gánh nặng bệnh tật trên toàn thế giới và dự đoán rằng căn bệnh này sẽ xếp hạng thứ nhất vào năm 2030³. Rối loạn trầm cảm trên bệnh nhân suy tim mạn làm tăng gánh nặng cho hệ thống y tế, bởi vì rối loạn trầm cảm làm cho diễn tiến và tiên lượng của bệnh nhân suy tim xấu hơn. Nhiều nghiên cứu đã chứng minh rằng, rối loạn trầm cảm có liên quan với kết cục lâm sàng kém ở bệnh nhân suy tim⁴. Ở bệnh nhân suy tim có loạn trầm cảm sẽ làm giảm chất lượng cuộc sống, giảm khả năng chăm sóc bản thân, giảm sự tuân thủ điều trị, tăng tỷ lệ tử vong, nhập viện và tái nhập viện, điều này đã được chứng minh qua công trình nghiên cứu của Gottlieb⁵. Trên thế giới có nhiều nghiên cứu về tình trạng trầm cảm trên bệnh nhân suy tim, tuy nhiên tại Việt Nam hiện nay sự quan tâm về vấn đề này vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Do đó chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài “Mô tả đặc điểm lâm sàng rối loạn trầm cảm ở bệnh nhân suy tim điều trị tại Viện tim mạch - Bệnh viện Bạch Mai” nhằm làm rõ vấn đề này.

¹Đại học Y Hà Nội

²Viện sức khỏe Tâm thần, Bệnh viện Bạch Mai

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Văn Hải

Email: nguyenvanhai95.hmu@gmail.com

Ngày nhận bài: 11.8.2021

Ngày phản biện khoa học: 6.10.2021

Ngày duyệt bài: 14.10.2021